TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/8/2019
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Trường.

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST - DS ngày 14 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Đinh Văn B**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Đ Ch, xã C Ph, huyện C Th, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Chị **Hà Thị Th**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm M B, xã T M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Bồn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Thu vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2019, bản tự khai ngày 14/6/2019 nguyên đơn anh Đinh Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B kết hôn với chị Hà Thị Th có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh B tại xã Tân Minh. Đến năm 2009 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn vợ chồng đã bàn với nhau cùng vào miền nam để làm ăn, đến năm 2011 anh B cùng với con đã chuyển về xã Tân Minh để sinh sống tiện cho việc cháu đi học, thời điểm này anh B ở chung nhà với mẹ và làm nông nghiệp, còn chị Th thì vẫn ở trong miền nam để làm ăn. Cũng thời gian này mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là vợ chồng không được hòa hợp, anh B có nhiều lần bảo chị Th về quê để sinh sống, cùng nhau làm ăn, nuôi dạy con cái nhưng chị Th nhất định không về, hai bên có xẩy ra cãi nhau, to tiếng với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm năm 2011 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Đến khoảng cuối năm 2016 đầu năm 2017 anh B cùng mẹ đẻ và con đã chuyển đến tỉnh Thanh Hóa để chung sống cùng với chị gái. Nay anh B xác định tình cảm với chị Th không còn nên xin được ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh B, chị Th có 01 con chung là cháu Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 22/10/2008, hiện cháu Ng đang ở với anh B từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2011. Ly hôn anh B xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên. Anh B không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh B xác định không có, khi ly hôn anh không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, chị Hà Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị Th với anh B, lấy lời khai của cậu ruột chị Th. Theo kết quả xác minh ngày 26/7/2019 tại Ban công an xã Tân Minh xác định chị Th có hộ khẩu thường trú tại xóm Mang Bão, xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2019 của ông Hà Văn H là cậu ruột chị Th xác định: ông H là em trai ruột của bà Hà Thị Đ (mẹ đẻ chị Th), gia đình ông H cùng xóm với gia đình mẹ đẻ chị Th, mẹ đẻ chị Th bị bệnh tâm thần, thần kinh nặng (có giấy xác nhận khuyết tật), chị Th không có bố, do vậy chị Th chung sống cùng với ông H từ khi chị được khoảng 15 hoặc 16 tuổi, ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng, lo cho chị Th học hết cấp 2, đến năm 2007 chị Th xây dựng gia đình với anh B ở cùng xã Tân Minh, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân

Minh, chính ông H là người đã đứng ra thay cho mẹ chị để lo toan, tổ chức đám cưới cho chị Th, anh B. Sau khi kết hôn chị Th chung sống cùng với gia đình anh B tại xã Tân Minh. Đến năm 2009 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị Th và anh B đã xin phép gia đình hai bên để vào miền nam để làm ăn kinh tế, bản thân ông H cũng làm cơm liên hoan chia tay để vợ chồng anh chị vào miền nam làm ăn. Đến khoảng năm 2011 thì anh B cùng con chung là cháu Ng chuyển về quê ở cùng với mẹ đẻ anh, khi anh B về quê được một thời gian ngắn chị Th cũng về theo, sau đó không biết vì lý do gì chị Th lại đi vào miền nam để làm ăn mà anh B không đi theo. Sau này nghe chị Th kể lại ông H mới được biết tình cảm giữa chị Th với anh B có phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng xa nhau, người ngoài bắc, người ở trong nam nên có sự nghi ngờ tình cảm, vợ chồng sống cùng với nhau nhưng bất đồng quan điểm, anh B có bảo chị Th về quê để chung sống cùng nhau nhưng chị không về dẫn đến vợ chồng cãi nhau, sứt mẻ tình cảm, hiện tại chị Th và anh B sống ly thân một thời gian dài không ai còn quan tâm đến nhau. Anh B cùng con chung và mẹ đã chuyển khẩu đến tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Giữa chị Th và anh B có 01 con chung là cháu Đinh Thị Minh Ng, sinh năm 2008, hiện cháu đang ở cùng với anh B tại tỉnh Thanh Hóa. Về tài sản chung, nợ chung: ông H cho biết chị Th và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung. Theo ông H được biết hiện nay chị Th đi làm ăn ở trong miền nam, còn địa chỉ cụ thể, làm công việc gì thì ông không biết. Chị Th thỉnh thoảng có về nhà để thăm gia đình, lần nào về chị Th cũng đến gia đình ông chơi, hỏi thăm tình hình bệnh tật của mẹ. Khi bận công việc không về được thì chị thường xuyên điện thoại liên lạc cho ông. Ông H nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án có thông báo, gọi điện cho chị Th nói chuyện về việc anh B xin ly hôn, Tòa án có báo gọi xuống để giải quyết ly hôn, nhưng chị Th có nói lại với ông H là việc ly hôn chị cũng đã biết, vì anh B khi làm đơn gửi cho Tòa án cũng đã điện thoại cho chị, tuy nhiên vì công việc bận và ở xa nên chị không về được, vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên chị nhất trí ly hôn, con chung chị đồng ý để anh B tiếp tục được nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị còn nói là nhờ ông H nhận hộ các giấy tờ, văn bản của Tòa án khi chị không ở nhà, sau đó thông báo cho chị biết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 31/7/2019; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn B được ly hôn chị Hà Thị Th. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 22/10/2008 cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Ng thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh B tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 03/6/2019 anh Đinh Văn B nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với chị Hà Thị Th, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Đinh Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hà Thị Th được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B, chị Th là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Văn B và chị Hà Thị Th đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình mẹ đẻ anh B tại xã Tân Minh được khoảng hơn hai năm, sau đó vợ chồng bàn với nhau đi vào miền nam để làm ăn kinh tế. Đến năm 2011 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, anh B có bảo chị Th về quê để làm ăn, sinh sống, nuôi dạy con cái nhưng chị không về, mỗi người ở một nơi, chồng ở miền bắc vợ ở miền nam nên đã nghi ngờ tình cảm của nhau, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, sứt mẻ tình cảm, vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được nguyên đơn trình bày tại bản tự khai. Kết quả thu thập chứng cứ cũng xác định vợ chồng anh B chị Th có mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, thực tế anh chị đã

không còn chung sống với nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh B xin ly hôn với chị Th là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh B và chị Th có 01 con chung là cháu Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 22/10/2008, hiện cháu đang ở với anh B tại tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn quan điểm anh B xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, anh không yêu cầu cấp dưỡng. Chị Th không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi anh B và chị Th ly thân năm 2011 đến nay, cháu Ng vẫn ở với anh B và được anh chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân chị Th không quan tâm hoặc chu cấp gì để anh B nuôi con, điều đó thể hiện chị Th thiếu trách nhiệm với con chung. Hiện tại cháu Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với bố tại xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, tại bản tự khai ngày 14/6/2019 nguyện vọng của cháu Ng xin được ở với bố. Để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học tốt nhất, phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của cháu Ng cần giao con chung của anh chị cho anh B được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh B tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh B xác định không có, ly hôn anh không có đề nghị gì. Chị Th không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh B phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a

khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đinh Văn B đối với chị Hà Thị Th. Xử cho anh Đinh Văn B được ly hôn chị Hà Thị Th.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 22/10/2008 cho anh Đinh Văn B được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ng thành niên. Chị Hà Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh B tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn chị Th không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đinh Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001718 ngày 03/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Tân Minh;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Quang Khải